

## **QUY CHẾ**

### **Xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Kèm theo Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 24/11/2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại tỉnh Thừa Thiên Huế; trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan Trung ương; Các cơ quan báo chí, nhà báo, phóng viên; Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khác có liên quan trong việc quản lý và triển khai sử dụng cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Quy định này áp dụng cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương).

b) Các cơ quan báo chí, nhà báo, phóng viên hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là cơ quan báo chí, nhà báo, phóng viên).

c) Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khác có liên quan trong hoạt động sử dụng cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Hệ thống ứng dụng: là hệ thống ứng dụng quản lý cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại trên nền tảng trang thông tin điện tử tổng hợp. Cho phép các tài khoản truy cập vào để soạn thảo, cung cấp, đăng tải, quản trị, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **Điều 3. Cơ sở dữ liệu cung cấp quảng bá hình ảnh tỉnh Thừa Thiên Huế**

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 - Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

#### **Điều 4. Cơ sở dữ liệu cung cấp thông tin giải thích, làm rõ**

1. Thông tin giải thích, làm rõ là những tư liệu, tài liệu, hồ sơ, lập luận nhằm giải thích, làm rõ, đấu tranh với các thông tin sai lệch ảnh hưởng đến uy

tín, hình ảnh của tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khi nhận được thông tin, tài liệu, báo cáo sai lệch ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, hoặc khi nhận được đề nghị bằng văn bản của Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ động cung cấp những tư liệu, tài liệu, hồ sơ, lập luận gửi tới Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan để phối hợp trong công tác quản lý và triển khai các biện pháp thông tin, tuyên truyền để bảo vệ nâng cao uy tín, hình ảnh của tỉnh.

3. Tư liệu, tài liệu, hồ sơ, lập luận giải thích, làm rõ gồm các nội dung chính sau:

a) Nội dung thông tin sai lệch và cập nhật tình hình từ sau khi có thông tin sai lệch đến thời điểm giải thích, làm rõ;

b) Tác động của thông tin sai lệch đến uy tín, hình ảnh của các cơ quan, đơn vị, địa phương, của tỉnh;

c) Bản chất của sự việc, hiện tượng bị đưa thông tin sai lệch;

d) Căn cứ pháp lý trong nước và quốc tế, kinh nghiệm, tiền lệ xử lý liên quan đến thông tin sai lệch;

đ) Đề xuất nội dung tuyên truyền trên báo chí và định hướng dư luận.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động triển khai các biện pháp thông tin, tuyên truyền để bảo vệ và nâng cao uy tín, hình ảnh của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương thông qua các hình thức sau đây:

a) Ban hành Thông cáo báo chí giải thích, làm rõ thông tin sai lệch; người phát ngôn của cơ quan, đơn vị, địa phương, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí;

b) Cử đại diện lãnh đạo hoặc người phát ngôn tham dự giao ban báo chí do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo tỉnh tổ chức; Hội nghị cung cấp thông tin cho báo chí định kỳ hằng tháng do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức để cung cấp thông tin giải thích, làm rõ cho các cơ quan báo chí khi Sở Thông tin và Truyền thông yêu cầu;

c) Đăng tải thông tin giải thích, làm rõ trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương; các sản phẩm truyền thông của các cơ quan thông tấn, báo chí và các phương tiện khác, bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài;

d) Cung cấp thông tin để các cơ quan thông tấn, báo chí giải thích, làm rõ đấu tranh với các thông tin sai lệch.

5. Tối đa không quá bảy (07) ngày sau khi nhận được thông báo từ Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin giải thích, làm rõ, đồng gửi Sở Thông tin và Truyền thông biết để theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Thông tin có nội dung bí mật nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

#### **Điều 5. Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại của tỉnh Thừa Thiên Huế**

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại của tỉnh Thừa Thiên Huế là hệ thống cơ sở dữ liệu được quy định tại Điều 3, Điều 4 được số hóa bằng tiếng

Việt và tiếng nước ngoài, giới thiệu lĩnh vực quản lý nhà nước của tỉnh cung cấp đến cộng đồng quốc tế và người Việt Nam ở trong và ngoài nước.

2. Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại của các cơ quan, đơn vị, địa phương là nguồn cung cấp thông tin chính thức về các cơ quan, đơn vị, địa phương, được tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại của tỉnh.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan báo chí đang hoạt động trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin và dữ liệu quảng bá hình ảnh của tỉnh trên các phương tiện truyền thông.

4. Hệ thống văn bản ban hành liên quan tới lĩnh vực thông tin đối ngoại, các hình ảnh, phóng sự, tin bài viết của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

**Điều 6. Nguyên tắc xây dựng, cung cấp, đăng tải, quản trị, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại**

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại được xây dựng, cung cấp, tạo lập, đăng tải phải đảm bảo các yêu cầu về nội dung, hình thức của các hoạt động thông tin đối ngoại tại địa phương và quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước.

2. Dữ liệu cung cấp vào hệ thống ứng dụng phải đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan về dữ liệu (ngày tháng hoạt động, tác giả, nội dung, các thông tin liên quan khác).

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan có hoạt động thông tin đối ngoại có trách nhiệm chủ động cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu thông tin đối ngoại lên hệ thống một cách chính xác, kịp thời, toàn vẹn, đầy đủ và có trách nhiệm tham mưu lãnh đạo tỉnh khi có yêu cầu.

4. Nguồn cung cấp cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại phải được Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, cho phép đăng tải đảm bảo các cơ sở dữ liệu đảm bảo về mặt tôn trọng bản quyền và sở hữu trí tuệ, không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Nguồn cơ sở dữ liệu được cập nhật vào hệ thống ứng dụng được xem là cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại của tỉnh.

5. Các thông tin, dữ liệu chuyên ngành các cơ quan, đơn vị, địa phương được thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng thường xuyên; đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực và khách quan, đảm bảo đẩy mạnh công tác thông tin quảng bá về dữ liệu thông tin đối ngoại của tỉnh.

6. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được cấp phát 01 tài khoản truy cập và được phân quyền để cập nhật các cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại do đơn vị cung cấp được quy định theo chức năng nhiệm vụ.

7. Các cơ quan, đơn vị địa phương có trách nhiệm cập nhật dữ liệu thông tin đối ngoại của đơn vị định kì. Đối với các cơ quan, đơn vị đã có cơ sở dữ liệu chuyên ngành, có hệ thống trang tin, quản lý cơ sở dữ liệu theo các tiêu chuẩn của ngành và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, thì cung cấp API để hệ thống kết nối.

**Điều 7. Các hành vi nghiêm cấm**

1. Cản trở hoạt động kết nối, quyền khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị địa phương, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Làm sai lệch, giảm tính chính xác của dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại.
3. Lưu trữ dữ liệu trái phép hoặc sử dụng dữ liệu vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
4. Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, làm gián đoạn việc kết nối, chia sẻ, khai thác Hệ thống dữ liệu mở.
5. Sử dụng cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại đã được chia sẻ với mục đích thương mại.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

#### **Điều 8. Trách nhiệm quản lý**

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:
  - a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tới hoạt động thông tin đối ngoại của tỉnh trong công tác triển khai, thông tin tuyên truyền rộng rãi trên địa bàn tỉnh, trên các phương tiện thông tin đại chúng về cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại của tỉnh.
  - b) Đảm bảo hạ tầng để triển khai hệ thống ứng dụng; giám sát khả năng hoạt động về mặt kỹ thuật (như tính ổn định, tốc độ, tính an toàn/bảo mật, tính sẵn sàng của ứng dụng) và đảm bảo tính đồng bộ, kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại quốc gia khi có đề nghị trong thời gian tới.
  - c) Đơn đốc, thanh tra, kiểm tra hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu theo thẩm quyền; hướng dẫn thanh tra, kiểm tra hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan, đơn vị, địa phương khi kết nối vào hệ thống ứng dụng.
2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm giám sát, quản lý cấu trúc dữ liệu, chất lượng dữ liệu của cơ quan, đơn vị mình cập nhật lên hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại của tỉnh.

#### **Điều 9. Cách thức vận hành**

1. Giao trách nhiệm quản lý, vận hành, thực hiện công tác phối hợp để cập nhật, thu thập, thẩm định, phân loại về cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại cho phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền thông tại địa chỉ: <https://ttdn.thuathienhue.gov.vn>.
2. Giao trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh đối với toàn bộ hệ thống ứng dụng quản lý cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại cho Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế.
3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc cập nhật, chia sẻ dữ liệu do đơn vị mình thu thập, quản lý theo quy định.
4. Chủ quản hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của mình.

### **Chương III**

## **KHAI THÁC DỮ LIỆU TRÊN HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

#### **Điều 10. Nguyên tắc khai thác**

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu có thể thực hiện khai thác dữ liệu được chia sẻ trên ứng dụng quản lý cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại khi được cấp quyền truy cập.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được cấp quyền khai thác dữ liệu từ ứng dụng thông qua tài khoản được cấp của mỗi đơn vị và có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 11. Các hình thức khai thác cơ sở dữ liệu trên hệ thống ứng dụng**

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể truy cập trực tiếp vào ứng dụng qua địa chỉ <https://ttdn.thuathienhue.gov.vn/> để khai thác trực tiếp thông tin, dữ liệu thông tin đối ngoại. Được cấp tài khoản và mật khẩu đăng nhập vào ứng dụng để khai thác dữ liệu.

2. Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có thể liên kết vào hệ thống ứng dụng với bộ API theo chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông đã quy định để thực hiện khai thác, chia sẻ, cập nhật dữ liệu.

### **Chương IV**

## **TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC CẬP NHẬT DỮ LIỆU VÀO HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI**

#### **Điều 12. Sở Thông tin và Truyền thông**

Phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý, vận hành hệ thống ứng dụng quản lý cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại; chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các cơ quan liên quan cập nhật dữ liệu vào hệ thống ứng dụng. Chịu trách nhiệm thu thập, thẩm định, phân loại về cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại phù hợp với quy định pháp luật về thông tin đối ngoại.

#### **Điều 13. Các cơ quan, đơn vị địa phương**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhiệm vụ cập nhật, đăng tải cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại của ngành, lĩnh vực của mình lên hệ thống ứng dụng khi có các hoạt động, kế hoạch, thông tin liên quan tới lĩnh vực thông tin đối ngoại.

### **Chương V**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 14. Quản lý nhà nước về cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại**

1. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại của ngành mình vào hệ thống ứng dụng sau khi có các dữ liệu đã được quy định tại điều 4 của Quy chế này.

#### **Điều 15. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ hàng Quý, trước ngày 25 của tháng cuối Quý, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa

phương báo cáo kết quả thực hiện theo phạm vi quản lý (hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu) gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch cập nhật cơ sở dữ liệu hoạt động thông tin đối ngoại hằng năm và dự toán ngân sách thực hiện hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định chung của pháp luật hiện hành về quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại.

4. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối, đôn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.